

Bản án số: 50/2023/DS-ST
Ngày: 05/9/2023
“V/v Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MT, TỈNH VĨNH LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Cường
2. Bà Trần Thị Mỹ Trang

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Thủy

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện MT tham gia phiên tòa:* không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện MT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2023 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2023/QĐXX- ST ngày 15 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Bé S**, sinh năm: 1960 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp BTB, xã HT, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh **Trần Minh N**, sinh năm: 1999. Theo văn bản ủy quyền ngày 23/6/2023. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp QT, xã HP, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm: 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp TT, xã AP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn do anh Trần Minh N trình bày: Ngày 06/3/2015 âm lịch, tức ngày 24/4/2015 dương lịch bà Nguyễn Thị Bé S có cho ông Nguyễn Văn Đ mượn tiền 300.000.000đ, bà S giao cho ông Đ 01 lần, có biên nhận do ông Đ tự viết và ký tên, mỗi tháng ông Đ có nghĩa vụ trả cho bà Bé S 3.000.000đ là tiền lãi với lãi suất 1%/ tháng. Đến ngày 24/7/2022, ông Đ đã trả cho bà Bé S được 150.000.000đ, còn nợ lại 150.000.000đ tiền gốc thì

ngưng không trả tiếp số tiền gốc còn nợ lại và tiền lãi cho bà Bé S, nhiều lần gặp ông Đ yêu cầu trả tiếp số tiền nợ còn lại nhưng ông Đ không chịu trả cho bà Bé S.

Nay bà Nguyễn Thị Bé S yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ trả lại cho bà Bé S số tiền nợ 150.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Tôi xác định có mượn bà Bé S số tiền 300.000.000đ như bà S trình bày, tuy nhiên khi mượn tôi và bà Bé S không có thỏa thuận tiền lãi, chỉ thỏa thuận miệng bà Bé S cho mượn trả dần, do bà Bé S là chị ruột của tôi. Sau khi mượn tiền từ năm 2015 đến năm 2022 thì mỗi tháng tôi trả cho bà Bé S số tiền 3.000.000đ là tiền gốc, tính đến nay là 07 năm tôi đã trả cho bà Bé S tổng cộng 252.000.000đ. Đến tháng 03 năm 2022 tôi có gửi em ruột tên là Nguyễn Thị Mai T số tiền 150.000.000đ trả cho bà Bé S. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Bé S yêu cầu tôi trả 150.000.000đ tôi không đồng ý do tôi trả hết nợ cho bà Bé S rồi nên không còn nợ nữa. Đối với số tiền 3.000.000đ trả cho bà Bé S mỗi tháng tôi không có giấy tờ gì chứng minh là trả nợ gốc, anh em trong nhà đều biết, do là chị em ruột nên tin tưởng không có kêu ký tên hay viết biên nhận, nên không cung cấp được cho Tòa.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn do anh Trần Minh N trình bày: Yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ trả cho bà Bé S tên gọi khác là S M số tiền vay 150.000.000đ không yêu cầu tính lãi. Năm 2015, ông Đ vay của bà Bé S số tiền 300.000.000đ với lãi suất 1%/ tháng, vì là chị em ruột nên bà Bé S mới tính lãi suất thấp như vậy, số tiền 3.000.000đ ông Đ trả cho bà Bé S hàng tháng là tiền lãi không phải tiền gốc.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Tôi thừa nhận có mượn của bà Bé S số tiền 300.000.000đ, từ năm 2015, không có thỏa thuận lãi, mỗi tháng tôi góp cho bà Bé S 3.000.000đ tính từ năm 2015 đến năm 2022 tôi đã trả cho bà Bé S tổng cộng 252.000.000đ. Tháng 3 năm 2022 tôi có gửi số tiền 150.000.000đ cho em tôi tên Nguyễn Thị Mai T trả cho bà Bé S, do đó tôi không còn nợ tiền bà Bé S nữa, nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Bé S.

Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé S và bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện MT, được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Đ trả 150.000.000đ tiền vay, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn cho rằng trước đây có mượn của bà Bé S số tiền 300.000.000đ là có thật, tuy nhiên mỗi

tháng ông đã trả cho bà Bé S số tiền 3.000.000đ không có thỏa thuận lãi suất, từ năm 2015 đến năm 2022, tổng cộng 07 năm bằng số tiền 252.000.000đ, đến tháng 03 năm 2022 ông tiếp tục trả cho bà Bé S tiền mặt một lần bằng 150.000.000đ tính đến nay ông không còn nợ bà Bé S nữa, nên ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Bé S.

Xét giấy mượn tiền viết tay do nguyên đơn cung cấp nội dung “tôi Nguyễn Văn Đ ngày 6/3/2015 có mượn chị Sáu mụ số tiền là 300.000.000đ” do ông Đ tự viết và ký tên. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn thừa nhận có giao nhận tiền như biên nhận nợ, ông Đ với bà Bé S chỉ thỏa thuận mượn tiền chứ không phải vay tiền, việc mượn tiền hay vay tiền cùng nghĩa như nhau. Năm 2022 ông Đ trả số tiền 150.000.000đ các đương sự đều thừa nhận. Mỗi tháng ông Đ có trả cho bà Bé S 3.000.000đ nhưng là tiền lãi 1%/ tháng đối với số tiền vay 300.000.000đ, không phải tiền bà Bé S cho trả dần là phù hợp, tại phiên tòa ông Đ cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh số tiền 3.000.000đ ông Đ trả từ năm 2015 đến năm 2022 là số tiền ông Đ trả là tiền nợ gốc. Đó đó yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Từ nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bé S, buộc ông Đ có nghĩa vụ trả cho bà Bé S số tiền 150.000.000đ, không yêu cầu tính lãi theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 2, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé S. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bé S số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải chịu số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL: 01
- VKSND huyện MT: 01
- Chi cục THADS HMT: 01
- Đương sự: 4
- Lưu: 04

Huỳnh Thị Linh